

工商部

越南社會主義共和國

獨立－幸福－自由

編號: 40/2025/TT-BCT

河內市，2025年6月22日

通知

關於根據政府2025年6月12日第146/2025/ND-CP號《關於工業及貿易領域分權分級規定的議定》第28條第6款規定，簽發貨物原產地證明書及書面批准出口商自我認證貨物原產地的規定

根據2017年《外貿管理法》；

根據2025年《政府組織法》；

根據2025年《地方政權組織法》；

根據2025年《頒布規範性法律文件法》；

根據2025年2月19日國會第190/2025/QH15號決議，規範處理與國家機關組織結構調整相關的若干問題；

根據2025年4月1日政府第78/2025/ND-CP號議定，詳細規定若干條款及措施，以組織、指導實施《頒布規範性法律文件法》；

根據2025年6月12日政府第146/2025/ND-CP號議定，規範工業與貿易領域的分權與分級；

根據2018年3月8日政府第31/2018/ND-CP號議定，詳細規定《外貿管理法》關於貨物原產地的條款；

根據進出口局局長的建議；

工商部部長頒布通告，依據政府2025年6月12日第146/2025/ND-CP號《關於工業與貿易領域分權分級規定的議定》第28條第6款之規定，對簽發貨物原產地證明書及書面批准出口商自我認證貨物原產地的事項作出規範。

第一章

總則

第1條. 調整範圍



越南台灣商會聯合總會
投資經營委員會

孔祥平 主委 聯絡方式:

熱線: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

本通知規範根據政府2025年6月12日第146/2025/ND-CP號《關於工業與貿易領域分權分級規定的議定》第28條第6款簽發貨物原產地證明書（以下簡稱C/O）及書面核准商業主體自行證明出口貨物原產地（以下簡稱核准文件）之事項。

第2條. 適用對象

1. 進出口局（工商部）。
2. 省、直轄市人民委員會（以下簡稱省級人民委員會）。
3. 與貨物原產地國家管理職責相關的商業主體、組織及個人。

第二章

組織與實施簽發C/O及核准文件

第3條. 組織實施簽發C/O及核准文件的原則

1. 確保出口貨物原產地國家管理工作的一致性與全面性。
2. 確保符合《政府組織法》及《地方政權組織法》的政策。
3. 符合越南社會主義共和國作為締約方的國際條約中，對有權簽發 C/O 及核發書面批准文件的機關與組織之相關規定。
4. 確保不中斷越南社會主義共和國作為締約方所參與的國際條約，以及由部委、部屬局或部委同級機關所簽訂、內容涉及貨物原產地的國際協議之履行。

第4條. C/O及核准文件的內容與範圍

1. 進出口局（工商部）負責簽發及組織實施本通知附件I所列的各類C/O及核准文件，須符合本通知第5條及相關法律規定的條件。
2. 由省級人民委員會根據《地方政權組織法》依其權限指派的組織，負責簽發本通知附件II所列的各類C/O及核准文件，須符合本通知第5條及相關法律規定的條件。
3. 條件符合性根據本通知附件III的模板進行自我評估。進出口局（工商部）將自我評估結果提交工商部部長；由省級人民委員會指派的組織將自我評估結果提交省級人民委員會及工商部部長。

第5條. 簽發C/O及核准文件的條件

1. 確保具備足夠人力資源，以執行並組織實施各類 C/O 及書面批准文件的簽發工作。



越南台灣商會聯合總會
投資經營委員會

孔祥平 主委 聯絡方式:

熱線: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

2. 對有權簽署C/O及核准文件的人員進行貨物原產地知識的培訓與訓練。
3. 擁有用於收取貨物原產地證明費用的帳戶。
4. 確保具備數位基礎設施，以持續穩定地運行工商部電子原產地管理與簽發系統（以下簡稱 eCoSys 系統，網址：www.ecosys.gov.vn），並順利執行電子貨物原產地證明費用收取、電子 C/O 簽發、電子 C/O 資料傳輸及書面批准文件之簽發作業流程。
5. 擁有獨立的儲存區域及必要的設備，用於儲存C/O及核准文件的檔案與憑證。

第三章

執行責任與施行條款

第6條. 省級人民委員會的責任

1. 自本通知生效之日起90日內，省級人民委員會須確保根據其權限指派的組織實施各類C/O及核准文件之簽發作業。
2. 依照進出口局（工商部）的指導，向進出口局（工商部）通報簽發C/O及核准文件的實施文件（如有）；提供簽發C/O及核准文件的機關、組織印章樣本，以及有權簽署C/O及核准文件人員的簽名樣本，並於有變更時即時更新。
3. 公開公告有關貨物原產地之國家管理內容，並指導申請 C/O 與核准文件之商業主體，依貨物原產地相關法律規定正確辦理。
4. 檢查、監督被指派負責簽發C/O及核准文件的組織；根據相關法律規定，處理在簽發C/O及核准文件過程中的違規行為。

第7條. 經省級人民委員會指派負責簽發 C/O 及核准文件的機構之責任

1. 維持本通知第5條規定的簽發C/O及核准文件的條件。
2. 依照貨物原產地相關法律規定，執行C/O及核准文件的簽發流程，確保遵循公開、透明、行政改革及便利化原則；受理並解決申請簽發C/O及核准文件的商業主體所提建議與疑難問題。
3. 監督並指導申請簽發C/O及核准文件的商業主體，確保其嚴格遵守貨物原產地規則的相關法律規定。
4. 根據貨物原產地法律規定，對已簽發的C/O及核准文件進行檢查與核實（包括不再承擔簽發C/O及核准文件任務與權限的情況）。



5. 依本通知附件IV規定，向工商部進出口局及省級人民委員會定期（按季度、年度）或暫時提交報告，內容涵蓋C/O與核准文件簽發情況及貨物原產地認證費徵收事宜。

第8條. 工商部下屬單位的責任

1. 進出口局負責：

a) 彙總C/O及核准文件簽發的實施情況。

b) 制定貨物原產地培訓課程內容。

c) 主導並與主管機關及相關單位合作，定期或突發性地檢查負責簽發C/O及核准文件的機關與組織。

d) 維持本通知第5條規定的簽發C/O及核准文件的條件。

2. 電子商務與數位經濟局負責：

a) 管理eCoSys系統的技術基礎設施，確保eCoSys系統與越南國家單一窗口門戶網站的電子C/O數據連接與傳輸。

b) 透過eCoSys系統為簽發原產地證明（C/O）及核准文件的機構建立帳戶並指派識別編碼。

c) 在eCoSys系統上發布並更新簽發C/O及核准文件的機關與組織名單。

第9條. 施行效力

1. 本通知自2025年7月1日起生效。

2. 若本通知所引用的規範性法律文件被修改、補充或替換，則根據已修改、補充或替換的規範性法律文件執行。

收件處：

- 總書記辦公室；
- 國家主席辦公室；
- 國會辦公室；
- 國會常務委員會；
- 民族委員會及國會各委員會；
- 政府辦公室；
- 總理、各副總理；
- 各部、部級機關、政府附屬機關；
- 最高人民檢察院；
- 最高人民法院；
- 國家審計署；
- 越南祖國陣線中央委員會；
- 各省、直轄市人民委員會、人民議會；

代表部長

副部長

阮生日新



越南台灣商會聯合總會 孔祥平 主委 聯絡方式：

投資經營委員會 熱線：+84 933 341 688 微信：everwinservice LINE：everwin888

- 司法部文件檢查與行政違規處理管理司；
- 政府辦公室行政程序控制司；
- 各省、直轄市工業與貿易廳；
- 政府電子資訊門戶網站、工商部電子資訊門戶網站；
- 公報；
- 各部委領導；
- 工商部下屬各單位；
- 存檔：文書處、進出口局（3份）。

附件I

由進出口局（工商部）簽發的C/O及核准文件樣式清單

附件II

由省級人民委員會指派組織簽發的C/O及核准文件樣式清單

附件III

簽發C/O及核准文件的條件自評表

附件IV

關於C/O及核准文件簽發情況的報告

~ 越南台灣商會聯合總會 投資經營委員會翻譯 謹供參考~



越南台灣商會聯合總會
投資經營委員會

孔祥平 主委 聯絡方式：

熱線：+84 933 341 688 微信：everwinservice LINE：everwin888

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2025/TT-BCT

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA VÀ CHẤP THUẬN BẰNG VĂN BẢN CHO THƯƠNG NHÂN TỰ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU THEO KHOẢN 6 ĐIỀU 28 NGHỊ ĐỊNH SỐ 146/2025/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương năm 2017;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là C/O) và chấp thuận

bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu (sau đây gọi là Văn bản chấp thuận) theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương).
2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
3. Thương nhân, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa.

Chương II

TỔ CHỨC, THỰC HIỆN CẤP C/O VÀ CẤP VĂN BẢN CHẤP THUẬN

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức thực hiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Bảo đảm sự thống nhất, toàn diện trong công tác quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu.
2. Bảo đảm phù hợp với chủ trương theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
3. Phù hợp với quy định về cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được cấp C/O và cấp Văn bản chấp thuận tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
4. Bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế từ cấp Cục thuộc Bộ, Bộ, cơ quan ngang Bộ trở lên có nội dung về xuất xứ hàng hóa.

Điều 4. Nội dung, phạm vi cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cấp và tổ chức triển khai việc cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.
2. Tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ theo thẩm quyền cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 5 Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.
3. Việc đáp ứng điều kiện được thực hiện trên cơ sở tự đánh giá theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này. Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) gửi kết quả tự đánh giá điều kiện cho Bộ trưởng Bộ Công Thương; tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ gửi kết quả tự đánh giá điều kiện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 5. Điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Bảo đảm đội ngũ nhân lực để thực hiện việc cấp và tổ chức triển khai việc cấp các loại C/O và Văn bản

chấp thuận.

2. Được đào tạo, tập huấn kiến thức về xuất xứ hàng hóa đối với người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận.

3. Có tài khoản thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

4. Bảo đảm hạ tầng số để triển khai Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương (sau đây gọi là Hệ thống eCoSys) tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn liên tục, ổn định và thực hiện thông suốt quy trình thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử, cấp C/O dưới dạng điện tử, truyền dữ liệu C/O điện tử và cấp Văn bản chấp thuận.

5. Có khu vực lưu trữ riêng, các trang thiết bị cần thiết lưu trữ hồ sơ, chứng từ cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải bảo đảm việc tổ chức được giao nhiệm vụ theo thẩm quyền triển khai cấp các loại C/O và Văn bản chấp thuận.

2. Thông tin đến Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) văn bản triển khai việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có); mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận; mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận theo hướng dẫn của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và cập nhật ngay khi có thay đổi.

3. Công bố công khai nội dung quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa và hướng dẫn thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận thực hiện đúng theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

4. Kiểm tra, giám sát tổ chức được giao nhiệm vụ cấp C/O và Văn bản chấp thuận; xử lý vi phạm đối với việc triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận, thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ cấp C/O và Văn bản chấp thuận

1. Duy trì điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Thực hiện quy trình, thủ tục cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, cải cách hành chính và tạo thuận lợi; tiếp nhận và giải quyết kiến nghị, vướng mắc của thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận.

3. Theo dõi, hướng dẫn thương nhân đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận thực hiện đúng theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa.

4. Kiểm tra, xác minh đối với C/O và Văn bản chấp thuận đã được cấp theo quy định pháp luật về xuất xứ hàng hóa (kể cả trường hợp không còn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cấp C/O và Văn bản chấp thuận).

5. Báo cáo định kỳ theo quý, năm hoặc báo cáo đột xuất gửi Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình cấp C/O, Văn bản chấp thuận và thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Xuất nhập khẩu chịu trách nhiệm:

- a) Tổng hợp tình hình thực hiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận.
- b) Xây dựng nội dung chương trình đào tạo, tập huấn về xuất xứ hàng hóa.
- c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền, đơn vị liên quan kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận.
- d) Duy trì điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số chịu trách nhiệm:

- a) Quản lý hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống eCoSys, kết nối và truyền dữ liệu C/O điện tử từ Hệ thống eCoSys sang Cổng Thông tin một cửa quốc gia của Việt Nam.
- b) Tạo tài khoản và cấp mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận trên Hệ thống eCoSys.
- c) Đăng tải và cập nhật danh mục cơ quan, tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận lên Hệ thống eCoSys.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Các Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, XNK (3).

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC MẪU C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN DO CỤC XUẤT NHẬP KHẨU (BỘ CÔNG THƯƠNG) CẤP

(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D và Văn bản chấp thuận	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu E	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
3	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
4	C/O mẫu AK	Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc
5	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
6	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân
7	C/O mẫu AHK	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc
8	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
9	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định

		Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu
10	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
11	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
12	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu
13	C/O mẫu VN-CU	Thông tư số 08/2020/TT-BCT ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba
14	C/O mẫu VC	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
15	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
16	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế
17	C/O mẫu VI	Thông tư số 11/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en
18	C/O mẫu X	Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia
19	C/O mẫu S	Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào
20	C/O mẫu B, A, ICO, Thổ Nhĩ Kỳ, GSTP, BR9, DA59, Peru,	Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công

Venezuela, CNM và mã số REX	Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Liên minh châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ
-----------------------------	--

PHỤ LỤC II

DANH SÁCH CÁC MẪU C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN DO TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH GIAO NHIỆM VỤ CẤP
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên mẫu C/O và Văn bản chấp thuận	Tên Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương
1	C/O mẫu D và Văn bản chấp thuận	Thông tư số 19/2020/TT-BCT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN
2	C/O mẫu E	Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
3	C/O mẫu AI	Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ
4	C/O mẫu AK	Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc
5	C/O mẫu AJ	Thông tư số 37/2022/TT-BCT ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
6	C/O mẫu AANZ	Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - Niu di lân
7	C/O mẫu AHK	Thông tư số 21/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc
8	C/O mẫu RCEP	Thông tư số 05/2022/TT-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực
9	C/O mẫu EUR.1	Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu
10	C/O mẫu EUR.1 UK	Thông tư số 02/2021/TT-BCT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định

		Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len
11	C/O mẫu CPTPP	Thông tư số 03/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
12	C/O mẫu EAV	Thông tư số 21/2016/TT-BCT ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu
13	C/O mẫu VN-CU	Thông tư số 08/2020/TT-BCT ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại Việt Nam - Cuba
14	C/O mẫu VC	Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
15	C/O mẫu VK	Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc
16	C/O mẫu VJ	Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế
17	C/O mẫu VI	Thông tư số 11/2024/TT-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nhà nước I-xra-en
18	C/O mẫu X	Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận về việc thúc đẩy thương mại song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên ký kết kia
19	C/O mẫu S	Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào
20	C/O mẫu B, A, ICO, Thổ Nhĩ Kỳ, GSTP, BR9, DA59, Peru, Venezuela, CNM và mã số REX	Thông tư số 23/2025/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa và Thông tư số 38/2018/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ

PHỤ LỤC III

BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN CẤP C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... (Địa danh), ngày tháng năm

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ quan, tổ chức:
2. Văn bản triển khai việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận:
.....
3. Địa chỉ (ghi địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức):
.....
4. Điện thoại:
5. Fax:
6. Email:

II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ NHÂN LỰC

1. Cơ sở vật chất:

Diện tích mặt bằng trụ sở: m², trong đó diện tích khu vực cấp C/O và Văn bản chấp thuận: m²,
diện tích khu vực lưu trữ hồ sơ cấp C/O: m².

2. Hệ thống máy tính, trang thiết bị cấp C/O và Văn bản chấp thuận hiện có:

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang, thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	

1	Máy tính					
2	Máy in					
3	Máy scan					
4	Máy photo					
5	Thiết bị lưu trữ (kho, giá đỡ ...)					
6	Phương tiện/ thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại (nếu có)					
7	Trang, thiết bị khác (nếu có)					
...						

3. Hệ thống đường truyền Internet cấp C/O và Văn bản chấp thuận hiện có:

STT	Hạ tầng số	Có/ Không	Nhà mạng	Thực trạng hoạt động của hệ thống			Ghi chú
				Tốt	Trung bình	Kém	
1	Đường truyền Internet độc lập						
2	Tài khoản trên Hệ thống eCoSys						
3	Chữ ký số						
4	Tài khoản thu phí						

5	Hệ thống cấp biên lai điện tử						
---	-------------------------------	--	--	--	--	--	--

4. Nhân lực chứng nhận xuất xứ hàng hóa (trực tiếp xử lý hồ sơ, ký duyệt và cấp phép C/O và Văn bản chấp thuận):

- a) Số người có thẩm quyền ký C/O và Văn bản chấp thuận đã tham gia đào tạo, tập huấn kiến thức về xuất xứ hàng hóa: người.
- b) Số người xử lý hồ sơ đề nghị cấp C/O và Văn bản chấp thuận: người.
- c) Tổng đội ngũ nhân lực chứng nhận xuất xứ hàng hóa: người.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ

(Tên cơ quan) đã đáp ứng điều kiện cấp C/O và Văn bản chấp thuận theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CẤP C/O VÀ VĂN BẢN CHẤP THUẬN
(kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**TỔ CHỨC CẤP C/O VÀ VĂN
BẢN CHẤP THUẬN ĐƯỢC
UBND TỈNH GIAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

(Địa danh), ngày tháng năm

BÁO CÁO

Về tình hình cấp C/O, Văn bản chấp thuận theo quý/năm ...

Kính gửi:

I. Tình hình triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có)

STT	Nội dung	Có hay không phân cấp, ủy quyền		Văn bản triển khai cấp C/O và Văn bản chấp thuận (Số, ngày tháng năm)
		Có	Không	
1	Cấp C/O			
2	Cấp CNM			
3	Văn bản chấp thuận			

II. Tình hình thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ xuất xứ hàng hóa

1. Việc cấp C/O và Văn bản chấp thuận

a) Số lượng C/O và Văn bản chấp thuận đã cấp/gia hạn:

STT	Mẫu C/O, Văn bản chấp thuận	Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...	
		Số lượng (bộ)	Trị giá (USD)
1	C/O mẫu ...		
2	CNM		
3	Văn bản chấp thuận		
	Tổng cộng		

b) Số lượng C/O bị hủy và Văn bản chấp thuận bị thu hồi:

STT	Mẫu C/O, Văn bản chấp thuận	Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...		Lý do
		Số lượng (bộ)	Trị giá (USD)	
1	C/O mẫu ...			
2	CNM			
3	Văn bản chấp thuận			

	Tổng cộng			
--	------------------	--	--	--

2. Hoạt động kiểm tra, xác minh và phối hợp kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa đối với tổ chức cấp C/O và Văn bản chấp thuận

a) Kiểm tra, xác minh hồ sơ C/O, Văn bản chấp thuận đã cấp: (số lượng các cuộc thanh tra/kiểm tra, xác minh; hình thức chủ động kiểm tra/phối hợp kiểm tra; lập danh sách các doanh nghiệp được thanh tra/kiểm tra; nội dung thanh tra/kiểm tra; những vi phạm (nếu có); biện pháp xử lý; số tiền xử phạt thu được/việc chấp hành quyết định xử phạt ...):

.....

b) Kiểm tra, xác minh tại cơ sở sản xuất: (số lượng các cuộc thanh tra/kiểm tra, xác minh; hình thức chủ động kiểm tra/phối hợp kiểm tra; lập danh sách các doanh nghiệp được thanh tra/kiểm tra; nội dung thanh tra/kiểm tra; những vi phạm (nếu có); biện pháp xử lý; số tiền xử phạt thu được/việc chấp hành quyết định xử phạt ...):

.....

3. Hoạt động hướng dẫn, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp

.....

4. Vướng mắc thực thi cấp C/O và Văn bản chấp thuận (nếu có)

.....

III. Công tác tổ chức, hành chính, nhân sự

.....

IV. Công tác khiếu nại, tố cáo

1. Phản ánh của doanh nghiệp (nếu có):

.....

2. Xử lý thông tin phản ánh của doanh nghiệp (nếu có):

.....

V. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

.....

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)